

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HS-PT
Ngày: 29-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư

Ông Triệu Quốc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2019/TLPT-HS, ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Trường T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo kháng cáo:

Phạm Trường T (tên gọi khác: C), sinh năm 1986; tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Tổ 02, khóm 2, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành T và bà Trần Thị S; có vợ Nguyễn Thị Ngọc L và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo Nguyễn Văn A, Trần Quốc B, không liên quan đến kháng cáo, nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc B và Phạm Trường T là bạn nghiện ma túy với nhau. Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên đã rủ nhau đi lấy trộm tài sản của người khác.

Vào khoảng 19 giờ ngày 16/01/2019, Phạm Trường T đi từ nhà đến tiệm game Tèo ở phường Thành Phước, thị xã Bình Minh thì gặp Trần Quốc B, rồi B rủ T đi tìm tài sản của người khác lấy trộm nhưng lúc này cả hai chưa đi.

Đến khoảng 19 giờ ngày 19/01/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 64H6-2364 của T đến tiệm game Tèo gặp B, T rủ B đi tìm tài sản của người khác lấy trộm thì B đồng ý. Lúc này T mới nói là: “Để T chạy về nhà rồi trở lại cùng đi lấy trộm” thì B đồng ý và ở tiệm của Tèo đợi. Về nhà thì thấy xe mô tô biển số 67D1-227.60 của chị Huỳnh Thị Quỳnh N (ở gần nhà T), dựng ngoài đường hẻm ngay trước nhà N mà không có ai trông coi, nên Thọ nảy sinh ý định lấy trộm xe này. T đi trở lại tiệm game gặp B nói cho B biết là có chiếc xe của N dựng ở gần nhà T và rủ B lấy chiếc xe này, thì B đồng ý. T chạy xe chở B đến đầu hẻm vào nhà T thì B xuống xe đợi, còn T thì đem xe về để xe ở trước cửa nhà, rồi T đi lại lấy trộm chiếc xe của N, họ bứt dây max xe rồi đạp xe nổ máy chạy ra đưa cho B. B chạy xe vừa lấy trộm của N đến nhà của Lê Minh H (tự là: Lưu Bị) ở tổ 04, khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Còn T thì về lấy xe chạy qua nhà của H tìm B. Khi B chạy xe qua nhà H thì H đang ngồi nhậu trong nhà, sau đó T cũng đến, nên B cùng với T dẫn xe vừa lấy trộm ra phía sau nhà H cất giấu. Do sợ bị người khác phát hiện, nên T kêu B tháo biển số xe ra, rồi gắn biển số xe khác vào xe của N, còn biển số xe của N thì B giấu ở phía sau nhà T. Sau khi đổi biển số xong, B điện thoại cho Lê Đông N hỏi người mua xe, thì N cho B số điện thoại của S ở Trà Vinh, rồi B điện thoại cho S hẹn địa điểm mua bán xe. Hẹn xong, B kêu T đi bán xe nhưng T không đi, nên B vào rủ H đi cùng. B chạy xe vừa lấy trộm của N chở H đến Trà Vinh, bán chiếc xe của N cho S với giá 2.800.000 đồng, bán xong thì cả hai đi xe đò về nhà hết 300.000 đồng, B đưa cho H 100.000 đồng và chia cho T 600.000 đồng. Còn lại 1.800.000 đồng thì B tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số: 24/KL.ĐGTS ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B kết luận: *01 chiếc xe mô tô biển số 67D1-227.60 của chị Huỳnh Thị Quỳnh N bị B và T lấy trộm có giá trị là 9.585.000 đồng.*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố Bị cáo Phạm Trường T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Trường T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt Bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phạm Trường T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt hai bị cáo Nguyễn Văn A, Trần Quốc B, mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù; quyết định về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2019, bị cáo Phạm Trường T và bị cáo Trần Quốc B có đơn kháng cáo với cùng nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/9/2019, bị cáo Trần Quốc B có văn bản xin rút toàn bộ kháng cáo.

Đến ngày 14 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra có Thông báo số 39/2019/TB-TA về việc bị cáo Trần Quốc B đã rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo trình bày như sau:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, nhưng bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, nên việc cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo là không có căn cứ. Hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn, nhưng bị cáo đã có nộp 300.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị hại, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Bị cáo trình bày: bị cáo và bị cáo B chỉ có thực hiện 01 vụ trộm xe của chị N, giữa bị cáo và bị cáo B không có phân công vai trò khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Trường T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định, cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo xác định vào khoảng 19 giờ ngày 19/01/2019, bị cáo và bị cáo B đã lấy trộm 01 xe mô tô biển số 67D1-227.60 của chị N. Do đó, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Phạm Trường T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Trường T là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được

hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân, thích hưởng thụ, lười lao động, nên thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, đối với bị cáo cũng cần phải xử lý đúng mức, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là chưa có cơ sở vững chắc; bởi lẽ: vào tối ngày 19/01/2019, T đến tiệm game T gặp rồi rủ B tìm tài sản của người khác lấy trộm thì B đồng ý. Thợ về nhà thì thấy xe mô tô biển số 67D1-227.60 của chị Huỳnh Thị Quỳnh N, đậu ngoài đường hẻm ngay trước nhà N mà không có ai trông coi, nên Thợ nảy sinh ý định lấy trộm xe này. T đi trở lại tiệm game chở B đến đầu hẻm vào nhà T thì B xuống xe đợi, còn T thì đem xe về để xe ở trước cửa nhà, rồi T đi lại lấy trộm chiếc xe của N ra đưa cho B. B chạy xe vừa lấy trộm của N đến nhà của Lê Minh H ở tổ 04, khóm 4, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. B chạy xe vừa lấy trộm của N chở H đến Trà Vinh, bán cho S với giá 2.800.000 đồng, B đưa cho H 100.000 đồng và chia cho T 600.000 đồng. Còn lại 1.800.000 đồng thì B tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Như vậy, bị cáo T chỉ có cùng với bị cáo B thực hiện một vụ trộm, vụ này bị cáo T rủ bị cáo B trộm, bị cáo T trực tiếp thực hiện lấy xe, còn bị cáo B đứng ở đầu đường đợi, nên đây là vụ án có đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa bị cáo T và bị cáo B, mà chỉ đồng phạm có tính chất giản đơn. Dù hoàn cảnh quá khó khăn nhưng bị cáo cũng cố gắng nộp 300.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Quyết định của bản án sơ thẩm về áp dụng khung hình phạt và mức hình phạt là chưa có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

Xét bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác mà chưa có bản án có hiệu pháp luật, nên thời hạn chấp hành phạt được tính từ ngày chấp hành hình phạt của bản án này.

[3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, các điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Trường T và sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Trường T (Cu Đỏ) **01 (một) năm tù**, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày chấp hành hình phạt của bản án này.

Các phần khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TXB: 02;
- CQTHADS TXB: 01;
- CQTHAHS TXB: 01;
- TG + BC: 02;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- Sở tư pháp: 01;
- UBND p.T: 01;
- THCTP+P.KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thành Tân

